

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, mã số chuyên ngành: 9229010.05

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển

sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Lịch sử và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ

MÃ SỐ : 9229010.05

CHUYÊN NGÀNH: LỊCH SỬ VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2885/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam

+ Tên tiếng Anh: Doctor of Vietnamese History

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Lịch sử

+ Tên tiếng Anh: History

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9229010.05

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Lịch sử

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in History

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam trình độ cao về lý thuyết và thực hành, chuyên sâu về lịch sử Việt Nam, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức: Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức chuyên sâu về lịch sử Việt Nam, có khả năng

phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề lịch sử Việt Nam.

- Về kỹ năng: Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng vận dụng một cách sáng tạo kiến thức của ngành và chuyên ngành vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm: Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có tinh thần làm việc chuyên nghiệp, khoa học, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển thông qua việc đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc trường hợp khác (nếu có).

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố

khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá ứng viên dự tuyển về:

- + Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- + Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

- + Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, một phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- + Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- + Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ

đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị.

3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Lịch sử, Sư phạm lịch sử, Lịch sử Việt Nam.

- Ngành phù hợp 2:

+ Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn;

+ Các ngành: Chính trị học, Khoa học Thư viện, Hồ Chí Minh học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Nghệ thuật Quân sự, Lưu trữ học, Việt Nam học.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quá trình phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam	3
2	Thiết chế chính trị Việt Nam trong lịch sử	2
3	Các khuynh hướng tư tưởng ở Việt Nam thời kỳ cận đại	2
4	Một số vấn đề về kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ cận hiện đại	2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
5	Một số vấn đề về đô thị và đô thị hóa trong lịch sử Việt Nam	2
6	Chính trị và Tôn giáo trong lịch sử Việt Nam	2
Tổng cộng		13

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 2-3 NCS/ 1 năm)
- Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án.

- Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.

- Cấu trúc luận án đảm bảo tối thiểu gồm các phần sau: Mở đầu; Tổng quan tài liệu nghiên cứu; Câu hỏi nghiên cứu; Cơ sở lý thuyết; Phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu và các phân tích, lý giải; Kết luận; Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của đơn vị đào tạo; Danh mục các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có); Phụ lục (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Time New Roman, cỡ chữ 13, không quá 300 trang (không kể phụ lục), trong đó có ít nhất 50 phần trăm số trang trình bày, phân tích và lý giải kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Hình thức và cấu trúc của luận án tuân thủ theo quy chế của Đại Quốc gia Hà Nội.

- Bản tóm tắt của luận án phản ánh trung thực cấu trúc và nội dung của toàn văn luận án, phải ghi đầy đủ phần kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3-5 trang bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt nội dung chính, kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

3.1. Kiến thức chung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

- **PLO1:** Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ).

- **PLO 2:** Lý giải một cách hệ thống các vấn đề của lịch sử bằng cách áp dụng các phương pháp và lý thuyết nghiên cứu của khoa học lịch sử và các ngành khoa học liên quan.

- **PLO 3:** Đánh giá một cách khách quan về một số vấn đề nghiên cứu chuyên sâu của lịch sử Việt Nam.

- **PLO4:** Áp dụng một cách hệ thống các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu lịch sử và các phương pháp nghiên cứu liên ngành vào hoạt động nghiên cứu và giảng dạy về lịch sử Việt Nam, giải quyết các vấn đề học thuật liên quan đến lĩnh vực lịch sử Việt Nam, cũng như các vấn đề của thực tiễn xã hội Việt Nam đương đại.

- **PLO 5:** Xác định được những vấn đề then chốt của lịch sử Việt Nam: về cách phân kỳ lịch sử Việt Nam; đặc điểm và diễn trình Lịch sử Việt Nam, về quá trình và đặc điểm phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam, các vấn đề cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của lịch sử Việt Nam; quá trình và đặc điểm lịch sử hội nhập quốc tế của Việt Nam...

3.3. Kiến thức học phần và chuyên đề tiến sĩ

- **PLO 6:** Lý giải các vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành Lịch sử Việt Nam; tổng hợp được các khối kiến thức chuyên sâu về các không gian lịch sử - văn hóa và các quốc gia cổ ở Việt Nam, quá trình dân tộc trong lịch sử Việt Nam, vấn đề chuyển biến kinh tế - xã hội, văn hóa ở Việt Nam thời cận đại, các vấn đề tư tưởng - văn hóa trong lịch sử Việt Nam, bối cảnh khu vực và quốc tế của tiến trình lịch sử Việt Nam, quá trình lãnh thổ và văn hóa tộc người, các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội, kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đến lịch sử Việt Nam, phong trào chống chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam, chiến tranh cách mạng ở Việt Nam.

- **PLO 7:** Làm chủ các kiến thức chuyên ngành, các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu để triển khai viết tiểu luận tổng quan, các chuyên đề nghiên cứu và luận án tiến sĩ, cũng như trong hoạt động nghiên cứu khoa học khác và hoạt động thực tiễn.

- **PLO 8:** Tổ chức nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu chuyên đề một cách rõ ràng, thuyết phục và chuyên nghiệp nhất có thể.

- **PLO 9:** Đánh giá, phản biện và tư vấn về những vấn đề lý luận, phương pháp và kết quả nghiên cứu liên quan đến hướng nghiên cứu chuyên đề.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- **PLO 10:** Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp của ngành lịch sử và chuyên ngành lịch sử Việt Nam.

- **PLO 11:** Kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề khoa học phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- **PLO 12:** Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế về các vấn đề khoa học của chuyên ngành lịch sử Việt Nam và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

- **PLO 13:** Có khả năng thiết kế, xây dựng, quản lý và triển khai một cách độc lập và sáng tạo các đề tài, dự án nghiên cứu chuyên sâu và nghiên cứu ứng dụng liên quan đến các vấn đề lịch sử Việt Nam, vấn đề quan hệ quốc tế và quá trình hội nhập của Việt Nam. Trên cơ sở đó, có khả năng tư vấn, đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp cho công tác hoạch định và thực hiện chính sách.

5. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- **PLO 14:** Có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng chia sẻ, trao đổi chuyên môn, tư vấn khoa học và chính sách dựa trên kiến thức mà mình là chuyên gia.

- **PLO 15:** Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong các hoạt động chuyên môn.

- **PLO 16:** Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp đối với các hoạt động nghiên cứu, tư vấn và tham mưu tích cực, hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực lịch sử Việt Nam.

- **PLO 17:** Có tinh thần trách nhiệm, làm việc chuyên nghiệp, khoa học, có thái độ liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, hợp tác tích cực trong nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn chính sách.

6. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, tiến sĩ ngành Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam có thể công tác trong các cơ quan và tổ chức như sau:

- Nghiên cứu và giảng dạy về lịch sử nói chung, lịch sử Việt Nam nói riêng ở các trường đại học, các viện, trung tâm nghiên cứu, bảo tàng....

- Làm việc tại các cơ quan văn hoá ở trung ương và địa phương;

- Làm việc trong các cơ quan báo chí và truyền thông, làm biên tập trong các cơ quan xuất bản;

- Làm việc tại các cơ quan trong hệ thống chính trị có sử dụng kiến thức lịch sử;

- Làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, các trung tâm, dự án phát

triển.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tiếp tục tự nghiên cứu, tự học tập, cập nhật kiến thức về lý luận, phương pháp và thực tiễn phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực hành lịch sử.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1 Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	100 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ
+ Bắt buộc:	09 tín chỉ
+ Tự chọn:	03 tín chỉ/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	08 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Luận án tiến sĩ:	80 tín chỉ

b) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	130 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần bổ sung:	30 tín chỉ
+ Bắt buộc:	15 tín chỉ
+ Tự chọn:	15 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ
+ Bắt buộc:	09 tín chỉ
+ Tự chọn:	03 tín chỉ/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	08 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ

+ Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT)

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT)

- Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiên sĩ		12				
I.1	Các học phần bắt buộc		9				
1	HIS8376	Các không gian lịch sử - văn hóa và các quốc gia cổ ở Việt Nam <i>Historical and Cultural Spaces and Ancient States in Vietnam</i>	3	40	10	100	
2	HIS8378	Một số vấn đề về quá trình dân tộc trong lịch sử Việt Nam <i>Major Issues of the National Process in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
3	HIS8379	Một số vấn đề về biến chuyển kinh tế - xã hội và văn hóa trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cận hiện đại. <i>Major Issues of Socio-economic and Cultural Transformation in Modern and Contemporary Vietnam</i>	3	40	10	100	
I.2	Các học phần tự chọn		3/21				
4	HIS8177	Kháng chiến chống ngoại xâm và nghệ thuật quân sự trong lịch sử Việt Nam <i>Anti-Foreign Invasion and Major Issues of Military Art in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
5	HIS8024	Quá trình giải thực dân ở Việt Nam trong thế kỷ XX <i>Decolonization in Vietnam during the Twentieth Century</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
6	HIS8380	Việt Nam trong bối cảnh các mối quan hệ khu vực và quốc tế <i>Vietnam in the Context of Regional and International Relations</i>	3	40	10	100	
7	HIS8035	Một số vấn đề về văn hóa - tư tưởng trong lịch sử Việt Nam <i>Major Issues of Culture and Ideology in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
8	HIS8081	Một số vấn đề về chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) <i>Major Issues of the Vietnamese Revolution Struggle (1945-1975)</i>	3	40	10	100	
9	HIS8079	Về các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam <i>On Some Modes of Political Institutions and Social Managements in Vietnam</i>	3	40	10	100	
10	HIS8082	Một số vấn đề về quá trình lãnh thổ và văn hóa của Việt Nam <i>Major Issues of the Territory and Cultural Process of Vietnam</i>	3	40	10	100	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
11	HIS8381	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
12	HIS8382	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
13	HIS8383	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
14	HIS8389	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
II.2	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. Đơn vị đào tạo bố trí cho nghiên cứu sinh trong quá trình làm luận án tham gia các hoạt động đào tạo tại đơn vị như giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.						
IV	Luận án Tiến sĩ						
15	HIS9007	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			100				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		30				
I.1	Các học phần bắt buộc		15				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	HIS6167	Một số vấn đề cơ bản về lý luận sử học <i>Major Issues of Historiographical Theory</i>	3	40	10	100	
3	HIS6202	Quá trình phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam <i>Process of Socio-Economic Forms in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
4	HIS6168	Đông Nam Á và quá trình hội nhập của Việt Nam <i>Southeast Asia and the Integration of Vietnam</i>	3	40	10	100	
5	HIS6291	Trí thức Việt Nam trong lịch sử <i>Vietnamese Intellectuals in History</i>	2	25	10	65	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
II.2	Các học phần tự chọn		15/31				
6	HIS6199	Khảo cổ học và/với di sản <i>Archaeology and Heritage</i>	3	40	10	100	
7	HIS6540	Vấn đề biên giới, lãnh thổ và chủ quyền biển đảo của Việt Nam - Từ lịch sử đến hiện tại <i>The issues of maritime and territorial boundary and sovereignty of Vietnam: From Past to Present</i>	3	40	10	100	
8	HIS6553	Tính thống nhất và đa dạng trong văn hóa Việt Nam <i>Unity and Diversity of Vietnamese Culture</i>	3	40	10	100	
9	HIS6292	Thiết chế chính trị Việt Nam trong Lịch sử <i>Vietnamese Political Institutions in History</i>	2	25	10	65	
10	HIS6222	Các khuynh hướng tư tưởng ở Việt Nam thời kỳ cận đại <i>Ideological Tendencies in Vietnam in Modern Times</i>	2	25	10	65	
11	HIS6184	Một số vấn đề về đô thị và đô thị hóa trong lịch sử Việt Nam <i>Some Issues of Urbanity and Urbanization in Vietnamese History</i>	2	25	10	65	
12	HIS6223	Chính trị và tôn giáo trong lịch sử Việt Nam <i>Politics and Religions in History of Vietnam: An Outline</i>	2	25	10	65	
13	HIS6293	Làng xã Việt Nam trong lịch sử <i>Some Issues of the Vietnamese Village</i>	2	25	10	65	
14	HIS6224	Một số vấn đề về giáo dục Việt Nam trong lịch sử <i>Some Issues of Education in Vietnamese History</i>	2	25	10	65	
15	HIS6294	Kinh tế - xã hội Việt Nam thời Nguyễn (nửa đầu thế kỷ XIX) <i>Vietnamese Society and</i>	2	25	10	65	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Economy under the Nguyen Dynasty (In the First Half of the Nineteenth Century)</i>					
16	HIS6287	Việt Nam trong các quan hệ khu vực và thế giới giai đoạn Sơ kỳ Cận đại <i>Vietnam in the Regional and International Relations in the Early Modern Period</i>	2	25	10	65	
17	HIS6221	Một số vấn đề về kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ cận hiện đại <i>Major Issues of Vietnamese Economy and Society in Modern Times</i>	2	25	10	65	
18	HIS6185	Kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam <i>Anti-Foreign Invasion in Vietnamese History</i>	2	25	10	65	
19	HIS6237	Xã hội Việt Nam thế kỷ XVI-XVIII: một số vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa <i>Vietnamese Society in the Sixteenth-Eighteenth Centuries: Major Political, Economic, Social and Cultural Issues</i>	2	40	10	100	
II	Các học phần tiên sĩ		12				
II.1	Các học phần bắt buộc		9				
20	HIS8376	Các không gian lịch sử - văn hóa và các quốc gia cổ ở Việt Nam <i>Historical and Cultural Spaces and Ancient States in Vietnam</i>	3	40	10	100	
21	HIS8378	Một số vấn đề về quá trình dân tộc trong lịch sử Việt Nam <i>Major Issues of the National Process in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
22	HIS8379	Một số vấn đề về biến chuyển kinh tế - xã hội và văn hóa	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cận hiện đại <i>Major Issues of Socio-economic and Cultural Transformation in Modern and Contemporary Vietnam</i>					
II.2	Các học phần tự chọn		3/21				
23	HIS8177	Kháng chiến chống ngoại xâm và nghệ thuật quân sự trong lịch sử Việt Nam <i>Anti-Foreign Invasion and Major Issues of Military Art in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
24	HIS8024	Quá trình giải thực dân ở Việt Nam trong thế kỷ XX <i>Decolonization in Vietnam during the Twentieth Century</i>	3	40	10	100	
25	HIS8380	Việt Nam trong bối cảnh các mối quan hệ khu vực và quốc tế <i>Vietnam in the Context of Regional and International Relations</i>	3	40	10	100	
26	HIS8035	Một số vấn đề về văn hóa - tư tưởng trong lịch sử Việt Nam <i>Major Issues of Culture and Ideology in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
27	HIS8081	Một số vấn đề về chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) <i>Major Issues of the Vietnamese Revolution Struggle (1945-1975)</i>	3	40	10	100	
28	HIS8079	Về các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam <i>On Some Modes of Political Institutions and Social Managements in Vietnam</i>	3	40	10	100	
29	HIS8082	Một số vấn đề về quá trình lãnh thổ và văn hóa của Việt Nam <i>Major Issues of the Territory</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>and Cultural Process of Vietnam</i>					
III	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH						
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
30	HIS8381	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
31	HIS8382	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
32	HIS8383	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
33	HIS8389	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. Đơn vị đào tạo bố trí cho nghiên cứu sinh trong quá trình làm luận án tham gia các hoạt động đào tạo tại đơn vị như giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.						
V	Luận án		80				
34	HIS9007	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			130				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá